TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 12 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2025/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị V, sinh năm 1984; Căn cước số: 096184005969, cấp ngày 02/08/2024, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp 25, xã Nguyễn P, tỉnh Cà Mau. Chổ ở hiện nay: ấp Rạch B, xã Trần Văn T, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1976; Chứng minh nhân dân số: 381468112, cấp ngày 18/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Mai Thị V và anh Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 nhưng đến năm 2020, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt T, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian đầu, giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng theo chị V trình bày đến đầu năm 2025, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình và vợ con dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cải từ đó anh, chị đã sống ly thân khoảng hơn 01 tháng nay, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh C. Vì vậy, chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung, chị Mai Thị V và anh Lê Văn C chung sống với nhau có 01 người con là Lê Thị Ngọc Ái, sinh ngày 18/6/2020. Hiện con đang chung sống với chị V nên khi ly hôn, chị V yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Mai Thị V khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do đang làm thuê, việc đi lại và xin nghỉ phép gặp nhiều khó khăn nên chị V yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt chị. Riêng anh Lê Văn C (bị đơn) đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm thuê, việc đi lại, xin nghỉ phép gặp khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt T, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 30/2020, ngày 18/8/2020 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đều đó cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung là Lê Thị Ngọc Ái, sinh ngày 18/6/2020. Hiện con đang chung sống với nguyên đơn. Tuy bị đơn vắng mặt, song Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện cháu Ái đang chung sống cùng nguyên đơn đã ổn định, việc các đương sự ly hôn đã phần nào làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và tâm lý của cháu. Do đó, để giảm bớt việc ảnh hưởng tâm lý, việc học tập và xáo trộn cuộc sống bình thường của con trẻ nên yêu cầu về con của nguyên đơn được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi ý kiến bằng văn bản đối với việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con trong khi nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị V về việc xin ly hôn anh Lê Văn C.

- Về con chung là Lê Thị Ngọc Ái, sinh ngày 18/6/2020. Hiện con đang chung sống với chị Mai Thị V nên khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Mai Thị V khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Mai Thị V phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 03/11/2025, chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003782 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Nguyễn Việt K, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)
Lâm Hoài Ân